

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CR-608 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CR-608 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA  
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.  
Co. Of Hearing  
Số hồ sơ của  
quận/hạt tiến hành phiên tòa

County \_\_\_\_\_ Seat of Court \_\_\_\_\_

Quận/hạt \_\_\_\_\_ Thành Phố của Tòa Án \_\_\_\_\_

NOTE: Use this form only for complete revocation of probation. For confinement in response to violation under G.S. 15A-1344(d2), use AOC-CR-609. Enter a separate revocation judgment for each sentence activated, but one revocation judgment is sufficient where the original sentence was imposed on offenses consolidated for judgment.  
LƯU Ý: Chỉ sử dụng mẫu này để hủy bỏ toàn bộ lệnh quản chế. Trong trường hợp phạt tù do có hành vi vi phạm theo G.S. 15A-1344(d2), hãy dùng mẫu AOC-CR-609. Phải lập một bản phán quyết hủy bỏ riêng cho mỗi án tù được phục hồi, tuy nhiên một bản phán quyết hủy bỏ là đủ nếu bản án ban đầu bao gồm nhiều vi phạm được gộp chung vào cùng một phán quyết.

In The General Court Of Justice  
 District  Superior Court Division  
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý  
Phân Bộ Tòa Án  Khu Vực  Thượng Thẩm

STATE VERSUS  
TIỂU BANG CHỐNG LẠI

JUDGMENT AND COMMITMENT UPON  
REVOCAION OF PROBATION - MISDEMEANOR  
(STRUCTURED SENTENCING)  
(For Revocation Hearings On Or After Dec. 1, 2011)  
PHÁN QUYẾT VÀ LỆNH GIAM TÙ SAU KHI HỦY BỎ  
LỆNH QUẢN CHẾ - TỘI TIỂU HÌNH  
(TUYÊN ÁN THEO KHUNG PHẠT)  
(Dành cho các phiên tòa hủy bỏ lệnh quản chế vào  
hoặc sau ngày 1 tháng 12, 2011)

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

Race  
Chủng tộc

Sex  
Giới tính

Date Of Birth (mm/dd/yyyy)  
Ngày sinh (tháng/ngày/năm)

G.S. 15A-1344, -1345  
G.S. 15A-1344, -1345

Attorney For State  
Luật sư đại diện cho tiểu bang

Def. Found Not Indigent  
Bị cáo không phải là người  
nghèo  
 Def. Waived Attorney  
Bị cáo từ bỏ quyền có luật sư

Attorney For Defendant At Revocation  
Hearing  
Luật sư đại diện cho bị cáo tại phiên tòa  
hủy bỏ lệnh quản chế

Appointed  
Được chỉ định  
 Retained  
Được thuê

Crt Rptr Initials  
Chữ ký tắt của tất  
ký viên

The defendant was placed on probation pursuant to the following Judgment Suspending Sentence:  
Bị cáo được cho hưởng lệnh quản chế chiếu theo Phán Quyết Án Treo dưới đây:

Date Of Judgment Suspending Sentence  
(mm/dd/yyyy)  
Ngày ban hành Phán Quyết Án Treo (tháng/  
ngày/năm)

Name Of Original Sentencing Judge  
Tên của thẩm phán tuyên án ban đầu

Name Of County Of Origin  
Tên quận/hạt nơi ra phán quyết

County of Origin File No.(s) (Các số hồ sơ của quận/hạt nơi ra phán quyết)	Off. No. Mã số vi phạm	Offense Description Miêu tả vi phạm	Offense Date (mm/dd/yyyy) Ngày vi phạm (tháng/ngày/năm)	G.S. No. Số G.S.	CL. Bậc tội	*Pun. CL. *Bậc hình phạt

\*NOTE: Enter punishment class if different from underlying offense class (punishment class represents a status or enhancement).  
\*LƯU Ý: Ghi bậc hình phạt nếu khác với bậc tội đã kết án (bậc hình phạt được áp dụng khi có tình trạng đặc biệt hoặc tình tiết tăng mức phạt).

In the original Judgment Suspending Sentence, the Court determined, pursuant to G.S. 15A-1340.20, the number of prior convictions to be \_\_\_\_\_ Level:  I (0)  II (1-4)  III (5+)  
Trong Phán Quyết Án Treo ban đầu, Tòa Án đã xác nhận rằng số tiền án là \_\_\_\_\_ chiếu theo G.S. 15A-1340.20. MỨC:  I (0)  II (1-4)  III (5+)

In the original Judgment Suspending Sentence, the Court found that this was an offense involving assault, communicating a threat, or an act defined in G.S. 50B-1(a), and that the defendant had a personal relationship as defined by G.S. 50B-1(b) with the victim.

Trong Phán Quyết Án Treo ban đầu, Tòa Án xác nhận rằng vi phạm này có liên quan đến hành vi hành hung, hăm dọa hoặc một hành vi khác được định nghĩa trong điều G.S. 50B-1(a), và rằng bị cáo đã có quan hệ thân thiết như được định nghĩa trong G.S. 50B-1(b) với nạn nhân.

In the original Judgment Suspending Sentence, the Court sentenced the defendant based upon a finding of enhancement

Trong Phán Quyết Án Treo ban đầu, Tòa Án đã tuyên án cho bị cáo căn cứ việc xác nhận có các tình tiết tăng mức phạt

1. for  G.S. 90-95(e)(4) (drugs).  G.S. 14-3(c) (hate crime).  G.S. 14-50.22 (gang).  
1. theo:  G.S. 90-95(e)(4) (ma túy).  G.S. 14-3(c) (tội phạm do lòng căm thù).  G.S. 14-50.22 (băng đảng).  
 2. from required suspended sentence to Class 2 misdemeanor. G.S. 90-95(e)(7).  
2. từ bản án treo bắt buộc lên tội tiểu hình Bậc 2. G.S. 90-95(e)(7).

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

**CONCLUSION AND ORDER  
KẾT LUẬN VÀ ÁN LỆNH**

Based upon the Findings set out on the reverse side, the Court concludes that the defendant has violated a valid condition of probation upon which the execution of the active sentence was suspended, and that continuation, modification or special probation or criminal contempt is not appropriate, and the Court ORDERS that the defendant's probation be revoked, that the suspended sentence be activated, and the defendant be imprisoned for a term of \_\_\_\_\_ days in the custody of the: (check only one)  N.C. DACJJ.  Sheriff of \_\_\_\_\_ County.  Other: \_\_\_\_\_

Misdemeanor Confinement Program (sentences of 91-180 days if imposed on or after Jan. 1, 2012, and greater than 90 days if imposed on or after Oct. 1, 2014).

Căn cứ vào các xác nhận ghi ở mặt sau, Tòa Án kết luận rằng bị cáo đã vi phạm một điều kiện hợp lệ trong lệnh quản chế mà bị cáo buộc phải đáp ứng để được cho hưởng án tù treo, và rằng việc tiếp tục, sửa đổi lệnh quản chế, hoặc kết hợp phạt tù và quản chế, hoặc xử tội coi thường tòa án hình sự đều là các biện pháp không thích hợp, do đó Tòa Án RA LỆNH hủy bỏ lệnh quản chế của bị cáo và phục hồi án tù, theo đó bị cáo sẽ bị giam tù trong thời gian \_\_\_\_\_ ngày dưới sự quản lý của: (chỉ đánh dấu một ô)  Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên của NC.  Cảnh Sát Trưởng của Quận/Hạt \_\_\_\_\_  Nơi khác: \_\_\_\_\_

Chương Trình Giam Giữ Người Phạm Tội Tiểu Hình (đối với các bản án từ 91-180 ngày được ban hành vào hoặc sau ngày 1 Tháng Giêng năm 2012, và các bản án lâu hơn 90 ngày được ban hành vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười năm 2014).

The defendant shall be given credit for \_\_\_\_\_ days spent in confinement prior to the date of this Judgment as a result of this/these charge(s). Bị cáo được trừ \_\_\_\_\_ ngày đã bị giam trước ngày ra Phán Quyết đối với (các) tội trạng này.

The sentence imposed above shall begin at the expiration of all sentences which the defendant is presently obligated to serve.

Bản án ban hành trên đây sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày bị cáo thi hành xong tất cả các bản án khác mà bị cáo đang chịu.

The sentence imposed above shall begin at the expiration of the sentence imposed in the case below:

Bản án ban hành trên đây sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày bị cáo thi hành xong bản án ghi dưới đây:

File No. Số hồ sơ	Offense Tội trạng	County Quận/hạt	Court Tòa án	Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)

**The Court further Orders:** (check all that apply)

**Tòa Án cũng ra lệnh rằng:** (đánh dấu tất cả các ô thích hợp)

1. The Clerk of Superior Court, under G.S. 7A-304(d), shall immediately disburse any undisbursed monies paid by the defendant under the Judgment Suspending Sentence, as provided in that Judgment. In addition, the defendant shall pay to the Clerk the "Total Amount Due" below. **Chiều theo G.S. 7A-304(d), Lục Sự Tòa Thượng Thẩm sẽ ngay lập tức giải ngân bất kỳ khoản tiền nào còn giữ lại do bị cáo thanh toán cho Lục Sự theo quy định của Phán Quyết Án Treo. Thêm vào đó, bị cáo phải nộp "Tổng số tiền phải trả" ghi dưới đây cho Lục Sự.**

Costs Balance Chi phí còn thiếu	Fine Balance Tiền phạt còn thiếu	Restitution Balance* Tiền bồi thường còn thiếu*	Prior Atty Fees This Case Chi phí luật sư cho các thủ tục trước đây của vụ án này	Atty Fees This Proceeding Chi phí luật sư cho thủ tục này	Appt Fee/Misc Lệ phí xếp hẹn/Lệ phí khác	Total Amount Due Tổng số tiền phải trả
\$	\$	\$	\$	\$	\$	\$

\*See attached "Restitution Update Worksheet, Notice And Findings (Revocation Of Termination Of Probation)," AOC-CR-612, which is incorporated by reference.

\*Xem mẫu AOC-CR-612, "Bảng Tính Tiền Bồi Thường Được Cập Nhật, Thông Báo và Các Xác Nhận (Khi Hủy Bỏ hoặc Chấm Dứt Lệnh Quản Chế)," được hợp nhất vào lệnh này thông qua việc dẫn chiếu.

**NOTE:** AOC-CR-612 must be completed whenever Recommendation No. 4 on the reverse is checked. Even if Recommendation No. 4 is not checked, AOC-CR-612 must be completed in EVERY CASE in which the defendant was ordered in the original Judgment Suspending Sentence, as a condition of probation, to pay restitution in an amount in excess of \$250 to a Victims' Rights Act victim.

**LƯU Ý:** Phải điền đầy đủ mẫu AOC-CR-612 nếu Khuyến Nghị số 4 ở mặt sau được đánh dấu. Ngay cả khi Khuyến Nghị số 4 không được đánh dấu, mẫu AOC-CR-612 vẫn phải được điền đầy đủ TRONG MỖI TRƯỜNG HỢP mà một trong những điều kiện quản chế quy định trong Phán Quyết Án Treo ban đầu là bị cáo phải trả tiền bồi thường nhiều hơn 250\$ cho một nạn nhân theo Điều Luật về Quyền của Nạn Nhân.

2. The Court finds just cause to waive costs, as ordered on the attached  AOC-CR-618.  Other: \_\_\_\_\_  
Tòa Án xác nhận rằng có cơ sở chính đáng để cho miễn đóng các chi phí theo lệnh ở mẫu  AOC-CR-618  Mẫu khác: \_\_\_\_\_ đính kèm.

3. The Court finds that the defendant  is  is not suitable for placement in a county satellite jail/work release unit. G.S. 15A-1352(a).  
Tòa Án xác nhận rằng bị cáo là người  có  không phù hợp để thụ án ở nhà tù vệ tinh của quận/hạt/cơ sở vừa ở tù vừa đi làm. G.S. 15A-1352(a).

4. Work release, with the consent of the defendant.

Chương trình vừa ở tù vừa đi làm, nếu bị cáo đồng ý.

a. After any required processing, defendant shall be committed to: [check (1) or (2)]

a. Sau khi làm các thủ tục giấy tờ cần thiết, bị cáo sẽ được chuyển đến: [đánh dấu ô (1) hoặc (2)]

(1) \_\_\_\_\_ (prison facility within/out of this county) (**NOTE:** For misdemeanor sentences imposed on or after Oct. 1, 2014, the court may not order work release to be served in a DACJJ facility outside the county of the sentencing court. G.S. 15A-1352(d).)

(1) \_\_\_\_\_ (một cơ sở tù giam ở trong/ngoài quận/hạt này) (**LƯU Ý:** Đối với các bản án tiểu hình được ban hành vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười năm 2014, Tòa Án không thể chuyển lệnh cho phép bị cáo vừa ở tù vừa đi làm đến một cơ sở DACJJ nằm bên ngoài quận/hạt của Tòa Án tuyên án. G.S. 15A-1352(d).)

(2) \_\_\_\_\_ (local confinement facility/satellite jail/work release unit within/out of this county)

(2) \_\_\_\_\_ (một cơ sở giam giữ địa phương/nhà tù vệ tinh/cơ sở vừa ở tù vừa đi làm ở trong/ngoài quận/hạt này)

The Sheriff, Board of County Commissioners, or Division of Adult Correction and Juvenile Justice has consented to commitment to the above-described facility that is not within this county. G.S. 15A-1352(d).

Cảnh Sát Trưởng Quận/Hạt, Hội Đồng Quận/Hạt hoặc Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên đã đồng ý cho bị cáo thụ án tại cơ sở ở ngoài quận/hạt được nêu trên. G.S. 15A-1352(d).

b. The defendant's work release shall terminate on the date the offender loses his/her job or violates a condition of work release.

b. Lệnh cho phép bị cáo vừa ở tù vừa đi làm sẽ chấm dứt vào ngày bị cáo mất việc làm hoặc vi phạm một trong các điều kiện đặt ra để được tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm.

c. Work release earnings shall be paid to the Clerk for payment of the items and amounts set out above after deduction by the Division of Adult Correction and Juvenile Justice of the amounts allowed under G.S. 148-33.1(f).

c. Tiền thù lao nhận được khi tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm sẽ được nộp cho Lục Sự Tòa Án để thanh toán các khoản và số tiền nêu trên, sau khi Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên đã khấu trừ các khoản được phép theo điều G.S. 148-33.1(f).

5. Any allegation of a violation stated in the Violation Report, Notice or otherwise which is not set forth in Finding No. 3 on the reverse is dismissed. **Bất kỳ vi phạm bị tố cáo nào được ghi trong Báo Cáo Vi Phạm, bản Thông Báo hoặc trong giấy nào khác mà không được ghi rõ trong Xác Nhận số 3 ở mặt sau đều được hủy bỏ.**

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)  
Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

**STATE VERSUS  
TIỂU BANG CHỐNG LẠI**

File No.  
Số hồ sơ

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

The Court further Orders:  
Tòa Án cũng ra lệnh rằng:

The Court recommends:  
Tòa Án khuyến nghị:

1. Substance abuse treatment.  2. Psychiatric and/or psychological counseling.  3. Work release  should  should not be granted.
1. Điều trị tình trạng lạm dụng chất gây nghiện.  2. Chương trình tư vấn tâm lý và/hoặc tư vấn tâm thần học.  3.  Nên  Không nên cho phép tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm.
4. Payment from work release earnings, if applicable, of the "Total Amount Due" set out on the reverse.  but the Court **does not recommend** restitution be paid from work release earnings.
4. Sử dụng tiền thù lao nhận được khi tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm, nếu có, để thanh toán "Tổng số tiền phải trả" ở mặt trước.  
 tuy nhiên Tòa Án **không khuyến nghị** sử dụng tiền thù lao từ chương trình vừa ở tù vừa đi làm để thanh toán các khoản bồi thường.
5. Other:
5. Khuyến nghị khác:

**FINDINGS  
CÁC SỰ VIỆC ĐƯỢC XÁC NHẬN**

After considering the record contained in the files numbered on Side One of this form, together with the evidence presented by the parties and the statements made on behalf of the State and the defendant, the Court finds:

Sau khi xem xét thông tin về quá trình xử lý vụ án trong các hồ sơ nêu ở Mặt Một của mẫu này, cùng với các chứng cứ được các bên đưa ra và những lời trình bày từ phía Tiểu Bang và bị cáo, Tòa Án xác nhận rằng:

1. The defendant is charged with having violated specified conditions of the defendant's probation, as alleged in:  
Bị cáo bị cáo buộc là đã vi phạm các điều kiện quy định trong lệnh quản chế của bị cáo, như được miêu tả trong:
- a. the Violation Report(s) on file herein, which is incorporated by reference.  
a. (các) Báo Cáo Vi Phạm được lưu tại đây và được hợp nhất vào lệnh này thông qua việc dẫn chiếu.
- b. the Notice of Hearing on Violation Of Unsupervised Probation on file herein, which is incorporated by reference.  
b. Thông Báo Phiên Tòa về Việc Vi Phạm Lệnh Quản Chế Không Có Giám Sát được lưu tại đây và được hợp nhất vào lệnh này thông qua việc dẫn chiếu.
2. Upon due notice or waiver of notice (check a. or b.)  
Sau khi được thông báo đúng cách, hoặc từ bỏ quyền được thông báo đúng cách (đánh dấu vào ô a. hoặc b.)
- a. a hearing was held before the Court and, by the evidence presented, the Court is reasonably satisfied in its discretion that the defendant violated each of the conditions of the defendant's probation as set forth below.  
a. một phiên tòa được tổ chức trước thẩm phán, và căn cứ vào các chứng cứ được đưa ra Tòa Án tương đối tin tưởng, trong phạm vi thẩm quyền của mình, rằng bị cáo đã vi phạm mỗi điều kiện trong lệnh quản chế được ghi dưới đây.
- b. the defendant waived a violation hearing and admitted that he/she violated each of the conditions of his/her probation as set forth below.  
b. bị cáo đã từ bỏ quyền ra tòa xét xử tội vi phạm và thú nhận rằng bị cáo đã vi phạm mỗi điều kiện trong lệnh quản chế được ghi dưới đây.
3. The condition(s) violated and the facts of each violation are as set forth (check all that apply)  
(Các điều kiện bị vi phạm và tình tiết của từng vi phạm được ghi đầy đủ ở (đánh dấu tất cả ô thích hợp)
- a. in Paragraph(s) \_\_\_\_\_ of the Violation Report or Notice dated \_\_\_\_\_.  
a. (các) Đoạn \_\_\_\_\_ trong Báo Cáo Vi Phạm hoặc Thông Báo đề ngày \_\_\_\_\_.
- b. in Paragraph(s) \_\_\_\_\_ of the Violation Report or Notice dated \_\_\_\_\_.  
b. (các) Đoạn \_\_\_\_\_ trong Báo Cáo Vi Phạm hoặc Thông Báo đề ngày \_\_\_\_\_.
- c. on the attached sheet  
c. trên trang giấy đính kèm
4. Each of the conditions violated as set forth above is valid; the defendant violated each condition willfully and without valid excuse; and each violation occurred at a time prior to the expiration or termination of the period of the defendant's probation.  
Mỗi điều kiện bị vi phạm như được miêu tả ở trên đều là các điều kiện hợp lệ; bị cáo đã vi phạm mỗi điều kiện một cách cố ý và không có lý do bào chữa hợp lý; và mỗi vi phạm đã xảy ra trước khi thời gian quản chế của bị cáo hết hạn hoặc kết thúc.
- Each violation is, in and of itself, a sufficient basis upon which this Court should revoke probation and activate the suspended sentence.  
Mỗi vi phạm, nếu chỉ tính riêng, đã đủ cơ sở để khiến Tòa Án hủy bỏ lệnh quản chế và phục hồi án tù đã treo.
5. (NOTE TO COURT: This finding is required when revoking probation for violations occurring on or after December 1, 2011.)  
(LƯU Ý DÀNH CHO TÒA ÁN: Phải đánh dấu câu xác nhận này khi hủy bỏ lệnh quản chế đối với các vi phạm xảy ra vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2011.)
- The Court may revoke defendant's probation (check all that apply):  
Tòa Án có quyền hủy bỏ lệnh quản chế của bị cáo (đánh dấu tất cả các ô thích hợp):
- a. for the willful violation of the condition(s) that he/she not commit any criminal offense, G.S. 15A-1343(b)(1), or abscond from supervision, G.S. 15A-1343(b)(3a), as set out above.  
a. vì bị cáo đã cố ý vi phạm (các) điều kiện buộc bị cáo không được phạm bất kỳ tội hình sự nào, G.S. 15A-1343(b)(1), hoặc trốn tránh sự giám sát, G.S. 15A-1343(b)(3a), như được ghi ở trên.
- b. (if on probation for a non-SSA misdemeanor or if placed on probation before Dec. 1, 2015, for an SSA misdemeanor) because the defendant twice previously has been confined in response to violation under G.S. 15A-1344(d2).  
b. (nếu bị cáo nhận lệnh quản chế vì một tội tiểu hình không theo khung phạt, hoặc nhận lệnh quản chế trước ngày 1 Tháng Mười Hai, 2015 vì một tội tiểu hình theo khung phạt) vì bị cáo đã bị giam giữ hai lần trước đây do có hành vi vi phạm chiếu theo G.S. 15A-1344(d2).
- c. (if placed on probation for an SSA misdemeanor on or after Dec. 1, 2015) because the defendant twice previously has been confined in response to a violation under G.S. 15A-1343(a1)(3), 15A-1343.2(e)(5), or 15A-1343.2(f)(6), and the second period(s) of confinement was served for a violation that occurred after the first period of confinement was served.  
c. (nếu bị cáo nhận lệnh quản chế vì một tội tiểu hình theo khung phạt (SSA) vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2015) vì bị cáo đã bị giam giữ hai lần trước đây do có hành vi vi phạm chiếu theo G.S. 15A-1343(a1)(3), 15A-1343.2(e)(5), hoặc 15A-1343.2(f)(6), và (các) lần bị giam sau lần thứ nhất là do các vi phạm xảy ra sau khi bị cáo hoàn tất thời gian giam giữ đầu tiên.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

**ORDER OF COMMITMENT/APEAL ENTRIES  
LỆNH GIAM TÙ/CÁC GHI CHÚ VỀ VIỆC KHÁNG CÁO**

It is ORDERED that the Clerk deliver two certified copies of this Judgment and Commitment to the sheriff or other qualified officer and that the officer cause the defendant to be delivered with these copies to the custody of the agency named on the reverse to serve the sentence imposed or until the defendant shall have complied with the conditions of release pending appeal.

Tòa Án RA LỆNH cho Lục Sự giao hai bản sao y bản chính của Phán Quyết và Lệnh Giam Tù này cho cảnh sát trưởng quận/hạt hoặc một viên chức có thẩm quyền khác, và ra lệnh cho người đó chuyển bị cáo cùng với các bản sao này đến cơ quan được nêu ở mặt trước để thụ án đã tuyên hoặc đến khi bị cáo đáp ứng các điều kiện để được tại ngoại trong thời gian chờ kháng cáo.

The defendant gives notice of appeal from the Judgment of the District Court to the Superior Court.

Bị cáo thông báo sẽ kháng cáo phán quyết của Tòa Án Khu Vực lên Tòa Án Thượng Thẩm.

**NOTE:** For probation violations occurring on or after Dec. 1, 2013, G.S. 15A-1347(b) provides, "If a defendant waives a revocation hearing [in district court], the finding of a violation of probation, activation of sentence, or imposition of special probation may not be appealed to the superior court."

**LƯU Ý:** Đối với các vi phạm quản chế xảy ra vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2013, G.S. 15A-1347(b) quy định rằng "Nếu bị cáo từ bỏ quyền ra tòa xét xử việc hủy bỏ lệnh [ở tòa án khu vực] thì bị cáo không thể kháng cáo lên tòa án thượng thẩm để chống lại phán quyết xử có tội vi phạm quản chế, phục hồi án tù, hoặc áp dụng biện pháp kết hợp phạt tù và quản chế."

The current pretrial release order is modified as follows: \_\_\_\_\_

Lệnh tại ngoại chờ xét xử hiện tại được sửa đổi như sau: \_\_\_\_\_

The defendant gives notice of appeal from the Judgment of the Superior Court to the Appellate Division. Appeal entries and any conditions of post conviction release are set forth on form AOC-CR-350.

Bị cáo thông báo sẽ kháng cáo phán quyết của Tòa Án Thượng Thẩm lên Tòa Án Phúc Thẩm. Các ghi chú về việc kháng cáo và bất kỳ điều kiện nào để được tại ngoại sau khi bị kết án được ghi rõ trên mẫu AOC-CR-350.

**SIGNATURE OF JUDGE  
CHỮ KÝ CỦA THẨM PHÁN**

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Name of Presiding Judge (type or print)  
Tên của Thẩm Phán Chủ Tòa (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of Presiding Judge  
Chữ ký của Thẩm Phán Chủ Tòa

**ORDER OF COMMITMENT AFTER APPEAL  
LỆNH GIAM TÙ SAU KHI KHÁNG CÁO BẢN ÁN**

Date Remanded To District Court (mm/dd/yyyy)  
Ngày chuyển vụ án trở lại Tòa Án Khu Vực (tháng/ngày/năm)

Date Appeal Dismissed (mm/dd/yyyy)  
Ngày bác bỏ đơn xin kháng cáo (tháng/ngày/năm)

Date Withdrawal Of Appeal Filed (mm/dd/yyyy)  
Ngày rút lại đơn xin kháng cáo (tháng/ngày/năm)

Date Appellate Opinion Certified (mm/dd/yyyy)  
Ngày xác nhận phán quyết của Tòa Án Phúc Thẩm (tháng/ngày/năm)

It is ORDERED that this Judgment be executed. It is FURTHER ORDERED that the sheriff arrest the defendant, if necessary, and recommit the defendant to the custody of the official named in this Judgment on the reverse and furnish that official two certified copies of this Judgment and Commitment as authority for the commitment and detention of the defendant.

Tòa Án RA LỆNH thi hành Phán Quyết này. Tòa án cũng RA LỆNH cho cảnh sát trưởng quận/hạt bắt giữ bị cáo, nếu cần, và chuyển bị cáo trở lại cơ quan được nêu ở mặt trước của Phán Quyết này cùng với hai bản sao y bản chính của Phán Quyết và Lệnh Giam Tù này để làm giấy tờ ủy quyền cho việc giam giữ bị cáo này.

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Signature Of Clerk  
Chữ ký của Lục Sự

Deputy CSC  
Phó LSTTT

Asst. CSC  
Phụ Tá LSTTT

Clerk Of Superior Court  
Lục Sự Tòa Thượng Thẩm

**CERTIFICATION  
CHỨNG NHẬN**

I certify that this Judgment and Commitment and the attachment marked below is a true and complete copy of the original which is on file in this case.

Tôi xác nhận rằng Phán Quyết và Lệnh Giam Tù này, cùng với văn bản đính kèm và đánh dấu dưới đây, đều là các bản sao chính xác và đầy đủ của bản gốc hiện được lưu ở hồ sơ vụ án.

Appellate Entries (AOC-CR-350)

Các Ghi Chú Về Việc Kháng Cáo (AOC-CR-350)

Restitution Update Worksheet, Notice And Findings

(Revocation Or Termination Of Probation) (AOC-CR-612)

Bảng Tính Tiền Bồi Thường Được Cập Nhật, Thông Báo

và Các Xác Nhận (Khi Hủy Bỏ hoặc Chấm Dứt Lệnh

Quản Chế) (AOC-CR-612)

Additional File No.(s) And Offense(s) (AOC-CR-626)

(CÁC) SỐ HỒ SƠ và TỘI TRẠNG BỔ SUNG (AOC-CR-626)

Other: \_\_\_\_\_

Mẫu khác: \_\_\_\_\_

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Date Certified Copies Delivered To Sheriff (mm/dd/yyyy)  
Ngày giao bản sao y bản chính cho cảnh sát trưởng quận/hạt (tháng/ngày/năm)

Signature Of Clerk  
Chữ ký của Lục Sự

Deputy CSC  
Phó LSTTT

Asst. CSC  
Phụ Tá LSTTT

Clerk Of Superior Court  
Lục Sự Tòa Thượng Thẩm

**SEAL  
ĐÓNG DẤU**

**NOTE TO CLERK:** Send certified copies to the Clerk of Superior Court of county of origin, if different, and to DACJJ, Attn: Combined Records, Courier Box 53-71-00, or mail to DAC, Attn: Combined Records, 4226 Mail Service Center, Raleigh, NC 27699-4226.

**LỤC SỰ XIN LƯU Ý:** Gửi các bản sao y bản chính đến Lục Sự Tòa Thượng Thẩm tại quận/hạt nơi ban hành phán quyết (nếu khác với quận/hạt này) và đến DACJJ, Attn: Combined Records, Courier Box 53-71-00, hoặc gửi đến DAC, Attn: Combined Records, 4226 Mail Service Center, Raleigh, NC 27699-4226.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.  
Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

STATE OF NORTH CAROLINA  
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.  
Số hồ sơ

\_\_\_\_\_ County  
Quận/hạt \_\_\_\_\_

In The General Court Of Justice  
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý  
 District  Superior Court Division  
Phân Bộ Tòa Án  Khu Vực  Thượng Thẩm

STATE VERSUS  
TIỂU BANG CHỐNG LẠI

ADDITIONAL FILE NO.(S) AND OFFENSE(S)  
(CÁC) SỐ HỒ SƠ VÀ/HOẶC TỘI TRẠNG BỔ SUNG

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

**NOTE:** Use this page in conjunction with all NCAOC judgment or probationary forms, to list additional offenses of conviction, deferred prosecution, or conditional discharge addressed in the court's order. There are no A,B,C, D or other variations of this form, so this page can be used to continue an offense list from any of the related forms, for any date(s) of offense or conviction.

**LƯU Ý:** Sử dụng trang này cùng với tất cả các mẫu phán quyết hoặc mẫu quản chế của NCAOC để ghi thêm các vi phạm đã kết án cũng như các biện pháp hoãn tố hoặc xóa bỏ bản án có điều kiện được nêu trong lệnh của Tòa Án. Mẫu này không có phiên bản A, B, C, D hoặc bất kỳ phiên bản nào khác, do vậy trang này có thể được sử dụng cùng với bất kỳ mẫu liên quan nào để tiếp tục liệt kê các vi phạm xảy ra vào bất cứ ngày vi phạm hoặc ngày kết án nào.

File No.(s) (Các) số hồ sơ	Off. Vi phạm	Offense Description Miêu tả vi phạm	Offense Date (mm/dd/yyyy) Ngày vi phạm (tháng/ngày/năm)	G.S. No. Số G.S.	F/M DH/TH	CL. Bậc tội	*Pun. CL. *Bậc hình phạt
VUI LÒNG ĐIỀN VÀO PHIÊN BẢN TIẾNG VIỆT CỦA MẠNH							

**\*NOTE:** Enter punishment class if different from underlying offense class (punishment class represents a status or enhancement).

**\*LƯU Ý:** Ghi bậc hình phạt nếu khác với bậc tội đã kết án (bậc hình phạt được áp dụng khi có tình trạng đặc biệt hoặc tình tiết tăng mức phạt).

(Over)  
(Xem mặt sau)

**ADDITIONAL FILE NO.(S) AND OFFENSE(S)  
(CÁC) SỐ HỒ SƠ VÀ/HOẶC TỘI TRẠNG BỔ SUNG**

File No.(s) (Các) số hồ sơ	Off. Vi phạm	Offense Description Miêu tả vi phạm	Offense Date (mm/dd/yyyy) Ngày vi phạm (tháng/ngày/năm)	G.S. No. Số G.S.	F/M DH/TH	CL. Bậc tội	*Pun. CL. *Bậc hình phạt
<p>VUI LÒNG ĐIỀN VÀO PHIÊN BẢN TIẾNG ANH CỦA MẪU NÀY</p>							

**\*NOTE:** Enter punishment class if different from underlying offense class (punishment class represents a status or enhancement).

**\*LƯU Ý:** Ghi bậc hình phạt nếu khác với bậc tội đã kết án (bậc hình phạt được áp dụng khi có tình trạng đặc biệt hoặc tình tiết tăng mức phạt).